

Bản án số: 308/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2024

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc An.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cường.

2. Bà Lê Thị Ngọc Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hữu Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Tuấn., Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 182/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 252/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Lê Trung C, sinh năm 1990.(có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Chị Trương Tú H, sinh năm 1994.(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự ngày 05 tháng 6 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Trung C trình bày:

Anh và chị Trương Tú H sống chung và kết hôn tháng 11 năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G vào năm 2019. Quá trình sống chung hạnh phúc đến tháng 7 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do chị H mang thai nên chị H xin về quê ở Phú Yên để dưỡng thai. Sau khi sinh con xong thì chị H không về sống chung với anh C đến nay đã hơn một năm, anh C có liên hệ với chị H nhưng chị H không đồng ý trở về sống chung với anh C, sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Giữa vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẻ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Trương Tú H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Trương Vân H1, sinh ngày 26/4/2022.

Sau khi ly hôn, anh xin được nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị **Trương Tú H** đã được tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh **Lê Trung C**.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Lê Trung C**, cho anh **Lê Trung C** được ly hôn với chị **Trương Tú H**, giao con chung tên **Lê Trương Hạ V** cho chị **H** nuôi dưỡng, anh **C** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **H** không yêu cầu; tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết; anh **C** phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh **Lê Trung C** có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị **Trương Tú H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lê Trung C** và chị **Trương Tú H** kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **G**, tỉnh **Tiền Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36/2019 ngày 09/9/2019, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Anh **Lê Trung C** cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do chị **H** mang thai nên chị **H** xin về quê ở Phú Yên để dưỡng thai. Sau khi sinh con xong thì chị **H** không về sống chung với anh **C** đến nay đã hơn một năm, anh **C** có liên hệ với chị **H** nhưng chị **H** không đồng ý trở về sống chung với anh **C**, sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Nay không còn tình cảm với chị **H** nên anh **C** xin ly hôn với chị **Trương Tú H**.

[4] Bị đơn chị **Trương Tú H** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không nộp bản tự khai, vắng mặt tại các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa.

[5] Xét, anh **Lê Trung C** và chị **Trương Tú H** mâu thuẫn đã trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do chị **H** mang thai nên chị **H** xin về quê ở Phú Yên để dưỡng thai. Sau

khi sinh con xong thì chị H không về sống chung với anh C đến nay đã hơn một năm, anh C có liên hệ với chị H nhưng chị H không đồng ý trở về sống chung với anh C, sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay; chị H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; giữa anh Lê Trung C và chị Trương Tú H không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên anh Lê Trung C xin ly hôn chị Trương Tú H là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Ngoài ra qua xác minh của chính quyền địa phương cho biết nguyên nhân mâu thuẫn và điều kiện nuôi con thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Trung C.

[6] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 01 con chung tên Lê Trương Vân H1, sinh ngày 26/4/2022, hiện đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn, anh C yêu cầu chị H nuôi dưỡng cháu Lê Trương Vân H1, anh C cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét, cháu Lê Trương Vân H1 đang được chị Trương Tú H nuôi dưỡng và cháu Vân H1 chưa được 03 tuổi nên yêu cầu giao con chung cho chị H nuôi dưỡng của anh Lê Trung C là phù hợp đồng thời chị H không có ý kiến gì về cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giao con chung cho chị Trương Tú H nuôi dưỡng và anh C không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Trung C trình bày không có, chị Trương Tú H cũng không có ý kiến gì về tài sản cũng như nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, là có căn cứ.

[10] Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Trung C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Trung C được ly hôn với chị Trương Tú H.
- Về con chung: Giao 01 con chung tên Lê Trương Vân H1, sinh ngày 26/4/2022 cho chị Trương Tú H nuôi dưỡng, anh Lê Trung C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trương Tú H không có yêu cầu.

Anh Lê Trung C có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Trung C phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013463 ngày 26/6/2024

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Tân Điền huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc An